

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HC-ST
Ngày: 13 - 9 - 2023
V/v khiếu kiện hành vi
hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Mạnh Huy;

2. Ông Phạm Văn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HC ngày 01/6/2023 về khiếu kiện hành vi hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐST-HC ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; địa chỉ: xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Phạm Viết Hoàng, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm 7, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2023). (Có mặt)

2. *Người bị kiện:*

+ Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: đường T, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình: ông Nguyễn Trường T, Giám đốc Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt, có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số 33, đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố N: ông Trần Thanh C, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N. Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 27/8/2023). (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: đường K, phố B, phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường K: ông Hoàng Văn C, Phó Chủ tịch UBND phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/9/2023). (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện (bà Nguyễn Thị H) và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Buộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố N, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 80m² đất ở tại thửa số 4, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính phường K lập năm 2006 chỉnh lý năm 2010, địa chỉ thửa đất: phố M, phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là thửa đất số 4).

+ Hủy Công văn số 03/PC-CNVPĐK ngày 09/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, tỉnh Ninh Bình v/v chuyển trả hồ sơ về việc đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu của bà Nguyễn Thị H (sau đây viết tắt là Công văn số 03). Buộc Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình đăng ký quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 80m² đất ở tại thửa số 4, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính phường K lập năm 2006 chỉnh lý năm 2010, địa chỉ thửa đất: phố M, phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Lý do khởi kiện:

Ông Nguyễn Tử C (tên gọi khác là Nguyễn Tử T, Nguyễn Văn T) sinh năm 1920, đã chết năm 1997, có vợ là bà Trịnh Thị X, sinh năm 1917, đã chết năm 2008. Bố mẹ đẻ của ông T, bà X đã chết trước ông T, bà X. Ông T và bà X có 4 người con, gồm: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 (là liệt sỹ chống Mỹ, hy sinh năm 1973 không có vợ con); ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958.

Năm 1992, 1993 nhiều hộ gia đình ở xã K, huyện H, tỉnh Ninh Bình có nhu cầu giao đất làm nhà ở và có đơn xin giao đất làm nhà ở, trong đó có gia đình ông T bà X. Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã K, huyện H họp ngày 04/8/1993, kỳ họp thứ 15 nhiệm kỳ 1989-1994 có chủ trương giao đất cho các hộ gia đình có

đơn. Vị trí cấp trong làng là 160m²/xuất. Mức thu đền bù hoa lợi là 1.456.000 đồng/1 xuất. Ông T bà X lúc đó có hộ khẩu tại thôn Cam Giá, xã K, huyện H (người địa phương) được giao đất tại khu vườn Ngà (phố M) với diện tích 160m²/xuất.

Về nghĩa vụ tài chính: tại Phiếu thu số 130 ngày 28/01/1994 của UBND xã K, huyện H đã thu số tiền 1.408.000 đồng, Phiếu thu số 130 số tiền thu là 360.000 đồng, Phiếu thu số 170 ngày 30/8/1994 UBND xã K, huyện H đã thu số tiền làm đường là 600.000 đồng. Cả 3 Phiếu thu nêu trên đều do bà Nguyễn Thị H nộp thay bố mẹ. Như vậy bố mẹ bà H đã nộp 2 Phiếu thu số 130 ngày 28/01/1994 là: 1.408.000 đồng + 360.000 đồng = 1.768.000 đồng. Số tiền này cao hơn mức quy định của Hội đồng nhân dân xã K, huyện H.

Ông T bà X cho con là anh Nguyễn Trọng T (con trai út) 1/2 diện tích đất ở là 80m², ông Thịnh không có nhu cầu ở đã chuyển nhượng cho người khác. Phần còn lại 80m² anh em trong gia đình họp bàn thống nhất để bà H được toàn quyền sử dụng. Bà H đã xây nhà 02 tầng trên phần đất 80m² còn lại vào năm 2009.

Tại tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính phường K lập năm 1997 thể hiện: thửa đất số 153, diện tích 162m² chủ sử dụng đất mang tên Thôn. Sổ mục kê xã K, huyện H năm 1997 phù hợp với bản đồ nêu trên. Tại tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính phường K lập năm 2006, chỉnh lý năm 2010 thể hiện: thửa đất số 4, diện tích 80m², chủ sử dụng đất mang tên Hằng. Sổ mục kê phường K, huyện H năm 2010 phù hợp với bản đồ nêu trên. Thửa đất bà H đang sử dụng phù hợp với quy hoạch là đất ở đô thị và không tranh chấp với ai.

Bà H đã nhiều lần có đơn đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho bà H nhưng không được chấp nhận. Ngày 04/01/2023 bà H gửi đơn và bộ hồ sơ lên Trung tâm một cửa liên thông của thành phố N, tỉnh Ninh Bình về việc đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu. Cán bộ một cửa liên thông của thành phố N nhận bộ hồ sơ của bà H rồi giao cho bà H "Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả", trong giấy có ghi hẹn thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ vào ngày 22/02/2023. Ngày 22/02/2023 cán bộ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N đã trả cho bà H bộ hồ sơ và nói nội dung hồ sơ chưa đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ. Bà H mở hồ sơ thấy có Công văn số 03, trong công văn có ghi: trong thành phần hồ sơ không có một trong các giấy tờ quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ nên hồ sơ chưa đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ. Vì vậy đề nghị bà liên hệ với cơ quan Nhà nước để hoàn thiện thủ tục công nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật để cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N chuyển trả lại hồ sơ cho Trung tâm một cửa liên thông thành phố để thông báo cho bà Nguyễn Thị H hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

Sau khi nhận lại hồ sơ bà H được biết đất ông T được giao không có tên trong các quyết định giao đất mà UBND phường K lưu trữ. Như vậy căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đất ông T bà

X thuộc trường hợp được giao đất không đúng thẩm quyền vào năm 1994. Căn cứ khoản 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; thửa đất bà H đang sử dụng có diện tích 80m² mang tên bà H đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ.

Về nghĩa vụ tài chính: căn cứ điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, bà H phải nộp thêm tiền nếu như ở thời điểm năm 1994 ông T bà X nộp không đủ số tiền 1.458.000 đồng. Thực tế 2 Phiếu thu 130 ngày 28/01/1994 ông T, bà X đã nộp 1.768.000 đồng. Như vậy số tiền ông T bà X đã nộp vượt mức quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã K. Do đó bà H không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc miễn tiền sử dụng đất. Ông T bà X là bố mẹ của liệt sỹ Nguyễn Văn C (Nguyễn Tử C, Nguyễn Mạnh C) theo quy định nêu trên thì ông T bà X được miễn nộp tiền sử dụng đất nhưng thời điểm năm 1994 UBND xã K, huyện H, tỉnh Ninh Bình chưa miễn tiền sử dụng đất cho ông T, bà X.

Tại Công văn số 626/VPĐK-ĐKCG ngày 28/6/2023, Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình có quan điểm như sau: Văn bản số 03/PC-CNVPĐK ngày 09/01/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N ban hành, không phải văn bản do Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình ban hành. Cơ quan thực hiện đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân (bà Nguyễn Thị H) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình giao tại Quyết định số 438/QĐ-STNMT ngày 15/11/2022 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình. Do vậy, liên quan đến nội dung bà Nguyễn Thị H yêu cầu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thay đổi người bị kiện, từ Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình.

Tại Công văn số 1694/UBND-TNMT ngày 14/7/2023, UBND thành phố N có quan điểm như sau:

Theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước, đất đai, tổng hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đối với thủ tục hành chính đăng ký và cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu: sau khi hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ (lần đầu) của bà Nguyễn Thị H chưa được chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố để kiểm tra trình UBND

thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền theo thẩm quyền. Đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại Công văn số 71/UBND ngày 29/8/2023, UBND phường K có ý kiến như sau: trên cơ sở nguồn gốc đất qua các thời kỳ và hồ sơ giấy tờ có liên quan, UBND phường K đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét quyết định.

Tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày: do Công văn số 03 đã bị thu hồi nhưng phía người bị kiện chưa nhận lại hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của bà H nên bà H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề sau: buộc UBND thành phố N và Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) phải tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và thực hiện trình tự cấp GCNQSDĐ cho bà H theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 116, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 100, Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: buộc UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình và Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) tiếp nhận và thực hiện trình tự cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H theo nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật quy định. Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND thành phố N và Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về sự có mặt của các đương sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình, người đại diện hợp pháp của UBND thành phố N, người đại diện hợp pháp của UBND phường K vắng mặt nhưng đều có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề sau: buộc UBND thành phố N và Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) phải thực hiện hành vi hành chính tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và thực hiện trình tự cấp GCNQSDĐ cho bà H đối với thửa đất số 4 theo quy định pháp luật.

Xét thấy: yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ lần đầu của bà H bị trả lại, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện theo khoản 1 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện theo quy định của pháp luật. Hành vi hành chính không tiếp nhận lại hồ sơ, không cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà H của người bị kiện thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì khiếu kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của người bị kiện.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N là đơn vị trực thuộc Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của bà H nằm trong quy trình cấp GCNQSDĐ lần đầu cho cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND thành phố N. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xác định người bị kiện, căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xác định người bị kiện trong vụ án này là Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình và UBND thành phố N. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình về việc thay đổi người bị kiện, từ Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện.

Ngày 22/02/2023 bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm một cửa liên thông thành phố N đã thông báo và trả cho bà H hồ sơ cấp GCNQSDĐ, cùng ngày 22/02/2023 bà H biết được UBND thành phố N không cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà. Ngày 25/5/2023 bà H đã nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại Toà án, thực hiện quyền khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khởi kiện.

Tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã K ngày 04/8/1993 có thông qua chủ trương xét đơn giao đất từ trước đến ngày 10/8/1993, diện tích cấp đất cho một hộ trong làng là 160m² với mức thu đền bù hoa lợi đất đai trong làng là 1.456.000 đồng/xuất. Gia đình ông T được UBND xã K giao đất thuộc trường hợp giao đất

không đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định này. Người sử dụng đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, UBND phường K đã giao nộp cho Tòa án Danh sách các hộ nộp tiền đất ở thể hiện gia đình ông Nguyễn Tử T đã nộp các khoản tiền sau: tiền hoa lợi 1.408.000 đồng, tiền phúc lợi lệ phí 360.000 đồng, tổng số tiền nộp 1.768.000 đồng. Những khoản tiền nêu trên cũng phù hợp với tài liệu do phía người khởi kiện giao nộp cho Tòa án phiếu thu thể hiện UBND xã K, nay là phường K đã thu tiền của gia đình ông T như sau: Phiếu thu số 130 ngày 28/01/1994 thu số tiền hoa lợi đất ở là 1.408.000 đồng, Phiếu thu số 130 thu số tiền phúc lợi và lệ phí địa chính là 360.000 đồng.

Quá trình sử dụng đất, ông T và bà X cho con trai là anh Nguyễn Trọng T khoảng 1/2 diện tích đất, ông Thịnh đã chuyển nhượng cho người khác và đã được cấp giấy chứng nhận. Phần còn lại khoảng 80m² anh em trong gia đình hợp bàn thống nhất để bà H được toàn quyền sử dụng. Bà H đã xây nhà 02 tầng trên phần đất còn lại. Ngày 04/01/2023 bà H nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ lần đầu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm một cửa liên thông thành phố N, sau đó bà H đã nhận Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Căn cứ Điều 17 của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã xem xét, kiểm tra, trường hợp hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu của bà H đã đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả là đúng quy định.

Ngày 07/12/2022 UBND phường K đã tiến hành trình tự, thủ tục và tiến hành niêm yết công khai hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận của bà H theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, khoản 2 Điều 62, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cử cán bộ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận. Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoạt động đồng bộ với bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trao Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho người nộp hồ sơ...Sau khi hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất

đai cấp huyện có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện có trách nhiệm chuyển đến Chi cục thuế cấp huyện hồ sơ của người sử dụng đất để Chi cục thuế cấp huyện xác định các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai là chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện thực hiện các chương trình dự án, nhiệm vụ do UBND cấp huyện giao theo chức năng, nhiệm vụ...có kế hoạch bố trí nhân lực, trang thiết bị thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện. Trách nhiệm của UBND cấp huyện là chủ trì giải quyết những ý kiến không đồng nhất giữa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc thẩm định, kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận.

Tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình (văn bản có hiệu lực tại thời điểm bà H nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận lần đầu) quy định: cơ quan có thẩm quyền *quyết định* thực hiện thủ tục hành chính là UBND cấp huyện. Cơ quan trực tiếp *thực hiện* thủ tục hành chính là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Đối chiếu với các quy định trên, xét thấy Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N chưa chuyển hồ sơ, chưa gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận chưa thể hiện việc xác định và xử lý nghĩa vụ tài chính của người đề nghị cấp giấy chứng nhận, gia đình ông T thuộc trường hợp gia đình người có công với cách mạng (có Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ) nhưng chưa có văn bản của cơ quan thuế xác định trường hợp gia đình liệt sỹ có thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hay không. Do đó Công văn số 03 có nội dung hồ sơ cấp giấy chứng nhận không có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, chưa đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ là chưa đúng pháp luật. Đến ngày 19/7/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N đã ban hành Công văn số 204/CV-CNVPĐK về việc thu hồi Công văn số 03 do quá trình xử lý văn bản chưa được đảm bảo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, phía người bị kiện chưa tiếp nhận lại, xử lý hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của bà H. Như vậy, hành vi hành chính của người bị kiện trong việc xử lý hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà H chưa được đảm bảo, không đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, buộc Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) phải thực hiện hành vi hành chính theo quy định về nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật quy định đối với việc tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị H. UBND thành phố N căn cứ vào kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) để thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật quy định đối với việc cấp GCNQSDĐ cho bà H đối với thửa đất số 4 theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: do chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện nên người bị kiện chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4, khoản 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện.

Buộc Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) phải thực hiện hành vi hành chính theo quy định về nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật quy định đối với việc tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính phường K lập năm 2006 chỉnh lý năm 2010. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình căn cứ vào kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N thực hiện) để thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật quy định đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính phường K lập năm 2006 chỉnh lý năm 2010 theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Văn phòng Đ tỉnh Ninh Bình chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

+ Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ TP.Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ, HCTP, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phụng